

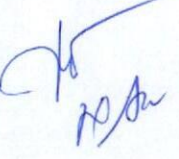
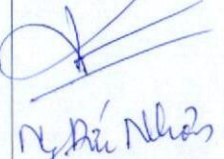
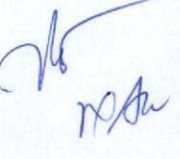
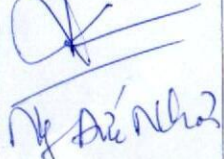
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

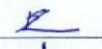
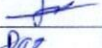
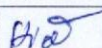
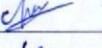
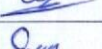
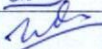
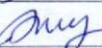
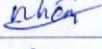
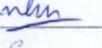
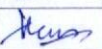
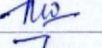
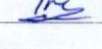
Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Thực tập vận hành sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp (228269) -
Môn học: **Nhóm 01**

CBGD: **Trần Xuân An (280029)**

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

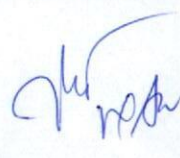
STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180035	HUỖNH HOÀNG ANH	03/11/2002	CCQ2018B						8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120180037	NGUYỄN TRỌNG DINH	06/01/2002	CCQ2018B						6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120180038	ĐÌNH NHẬT TRƯỜNG DUY	15/05/2002	CCQ2018B						7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120180041	TRẦN TÍN ĐẠT	12/04/2002	CCQ2018B						7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120180042	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	17/02/2002	CCQ2018B						7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120180044	TRẦN QUANG HIẾU	04/02/2002	CCQ2018B						8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120180046	NGUYỄN VĂN HÒA	02/03/2002	CCQ2018B						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120180048	ĐÌNH VĂN HUY	12/10/2002	CCQ2018B						8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120180051	LÊ MINH LỢI	30/05/2002	CCQ2018B						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120180052	LÊ PHI LUÂN	08/07/2002	CCQ2018B						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120180053	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	11/09/2002	CCQ2018B						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120180055	DÀ KRIÊNG HA NGÚY	02/02/2002	CCQ2018B						7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120180057	ĐÌNH THIÊN THIÊN NHÂN	24/01/2002	CCQ2018B						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120180056	PHẠM ĐÌNH NHÂN	04/07/2002	CCQ2018B						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120180060	LÊ VĂN SANG	19/05/2001	CCQ2018B						7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120180061	NGUYỄN THẾ SƠN	11/11/1999	CCQ2018B						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120180062	NGUYỄN NHỰT TÂM	27/10/2000	CCQ2018B						6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120180063	HUỖNH VĂN THÍCH	26/03/2002	CCQ2018B						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120180064	HỒ HUY THỌ	20/11/2002	CCQ2018B						9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120180065	NGUYỄN TẤN TRỌNG	03/10/2002	CCQ2018B						8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

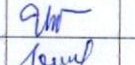
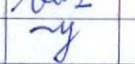
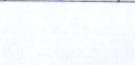
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Thực tập vận hành sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp (228269) -
Môn học: **Nhóm 01**
CBGD: **Trần Xuân An (280029)**

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180066	NGUYỄN ĐÌNH TRUYỀN	09/11/2002	CCQ2018B						6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120180067	NGUYỄN QUỐC VIỆT	25/02/1998	CCQ2018B						8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120180068	NGUYỄN XUÂN VINH	26/05/2000	CCQ2018B						6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120180069	TRẦN TRỊNH ĐỨC Ý	02/10/2000	CCQ2018B						7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)